

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 11-6-2024
V/v Tranh chấp chia tài sản
chung sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân

Các Thẩm phán: Ông Trần Tấn Quốc;

Bà Hoàng Thị Thúy Lành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 10/2024/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 03 năm 2024 về việc “Chia tài sản chung sau khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 296/2023/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 27/TB-TA ngày 20/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Tuấn K, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An, theo văn bản ủy quyền ngày 25/12/2020 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Võ Văn M, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Anh T1, sinh năm 1972; địa chỉ: Số D, đường N, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An, theo văn bản ủy quyền ngày 04/4/2024 (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Minh H, sinh năm 1999; địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long

An (có đơn xin vắng).

2. Bà Võ Thị Thúy Q, sinh năm 2000; địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (có đơn xin vắng).

3. Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (có đơn xin vắng).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Võ Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Huỳnh Tuấn K, trình bày:

Ông M và bà T được Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa giải quyết cho ly hôn tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 329/2015/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2015. Khi ly hôn, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Trong thời kì hôn nhân, ông M và bà T tạo dựng được tài sản chung gồm thửa đất 680, tờ bản đồ số 6, diện tích 680m² và thửa đất 273, tờ bản đồ số 5, diện tích đo đạc thực tế là 3.825,1m², cùng tọa lạc tại xã H, huyện Đ. Sau khi ly hôn, ông M và bà T thống nhất tặng cho thửa đất 680 cho 03 con chung là Võ Minh H, Võ Thị Thúy Q, Võ Minh P. Tuy nhiên tại thời điểm đó, các con còn nhỏ nên ông M giao cho bà T quản lý sử dụng.

Ngày 03/3/2016, ông M làm thủ tục tặng cho bà T thửa đất 680, tờ bản đồ số 6, loại đất LUA, tại ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 1517, quyền số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/3/2016 tại Văn phòng C1 tỉnh Long An. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (CNQSD) đất, bà T đã làm thủ tục tách thửa để tặng cho các con. Theo đó, thửa 680 được tách ra thành thửa 980, diện tích 218m² tặng cho con trai Võ Minh H; tách thửa 981, diện tích 222m² tặng cho con gái là Võ Thị Thúy Q và phần còn lại của thửa 680, diện tích 227,4m² sẽ tặng cho con trai Võ Minh P nhưng hiện bà T vẫn đứng tên trên giấy CNQSD đất. Bà Q đã được cấp giấy CNQSD đất đối với thửa 981, sau đó chuyển nhượng cho bà H1 với giá 1.250.000.000 đồng. Việc chuyển nhượng giữa bà H1 và bà Q là hợp pháp. Bà T định đoạt thửa đất 680 là đúng quy định pháp luật vì đã được ông M tặng cho riêng. Do đó, bà T không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông M.

Đối với thửa 273 là tài sản chung trong thời kì hôn nhân, chưa chia nên bà T khởi kiện yêu cầu chia thửa 273 như sau: Chia cho bà T ½ diện tích đất 3.825,1m², thuộc thửa 273, tờ bản đồ số 5 (một phần thửa mới 507, tờ bản đồ số 7), tại xã H, huyện Đ là 1.912,6m², ký hiệu Khu A1 của Mảnh trích đo phân khu số 20 ngày 14/12/2023, đính kèm Mảnh trích đo địa chính số 505-2023 ngày 20/9/2023 của Công ty TNHH Đ (Công ty Đ) đo vẽ được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ ký duyệt ngày 22/9/2023.

Bị đơn ông Võ Văn M trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của ông K về thời gian ly hôn giữa ông và bà T, thống nhất xác định thửa 680 và thửa 273 là tài sản chung của ông và bà T trong thời kì hôn nhân. Tuy nhiên, sau khi ly hôn, ông bà đã thỏa thuận phân chia tài sản chung xong. Theo thỏa thuận, bà T được chia thửa 680, ông M được chia thửa 273. Hình thức chia như sau: Ngày 03/3/2016, ông M ký hợp đồng tặng cho bà T thửa 680 theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất như ông K trình bày. Sau khi bà T được cấp giấy CNQSD đất thửa 680, bà T tặng cho ai là quyền của bà T nhưng bà T lại cho rằng thửa đất 680 là để tặng cho các con và yêu cầu chia thửa 273 là không có căn cứ. Do đó, ông đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông M có yêu cầu phản tố chia tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thửa 680, diện tích 680m² (diện tích đo đạc thực tế là 668m²), tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An theo giấy CNQSD đất số CD 782991 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho bà T ngày 28/3/2016 và giá trị tài sản gắn liền với thửa đất 680. Ông yêu cầu chia hiện vật. Tại văn bản trả lời số 2198/CN.VPĐKĐĐ-HCTH ngày 18/7/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ thể hiện thửa đất 680, diện tích 668m² đã được bà Trần Thị T làm thủ tục tách ra thành 3 thửa 980, 981, 680 và định đoạt như sau:

Tặng cho con gái là Võ Thị Thúy Q diện tích đất 218m², bà Q đã được cấp mới giấy CNQSD đất theo hồ sơ số 008020.TA.002 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp giấy CNQSD đất số CY 724704 ngày 04/11/2020 tại thửa đất 980, tờ bản đồ số 6, diện tích 218m². Sau đó, bà Q chuyển nhượng cho bà H1 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 6767, quyền số 04/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/4/2022 tại Văn phòng công chứng (VPCC) Trần Văn C. Bà H1 đã được chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ chỉnh lý biến động sang tên trên giấy CNQSD đất số CY 724704 vào ngày 26/5/2022.

Tặng cho con trai là Võ Minh H diện tích đất 222m², theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 7738, quyền số 08TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/8/2020 tại VPCC Lê Ngọc M1. Ông H đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp giấy CNQSD đất số CY 724703 ngày 20/10/2020 tại thửa đất 981, tờ bản đồ số 6, diện tích 222m².

Diện tích đất còn lại của thửa 680 là 227,4m² (đo đạc thực tế) hiện do bà T đứng tên trên giấy CNQSD đất.

Như vậy, một phần diện tích đất của thửa 680 mà ông M1 yêu cầu chia hiện do ông H và bà H1 đứng tên trên giấy CNQSD đất. Việc ông H, bà H1 đứng tên trên giấy CNQSD đất dựa trên các giao dịch dân sự. Ông M1 trình bày, ông đã được Tòa giải thích và hiểu về quyền yêu cầu phản tố bổ sung đối với các giao dịch liên quan đến thửa 680; 980, 981, quyền thay đổi yêu cầu phản tố giữa chia hiện vật và chia giá trị theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự và Luật Hôn nhân gia đình. Đồng thời có ý kiến đối với các giấy CNQSD đất đã cấp cho bà Q, ông H, bà H1. Tuy nhiên, ông M1 vẫn giữ nguyên yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất 680, yêu cầu bà T phải chia cho ông ½ diện tích đất tại thửa 680 là 334m² và chia đôi tài sản gắn liền. Đối với các giao dịch dân sự liên quan đến thửa đất 680, 980, 981 và các giấy CNQSD đất liên quan,

ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Bà T phải có nghĩa vụ chia đất cho ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H1 trình bày:

Ngày 26/4/2022, bà nhận chuyển nhượng của bà Võ Thị Thúy Q thửa đất 980, tờ bản đồ số 6, loại đất LUA, tại ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 6767, quyền số 04/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/4/2022 tại V với giá 1.250.000.000 đồng. Hiện nay, bà đã chuyển mục đích sử dụng từ đất LUA sang đất ONT. Các bên đã hoàn tất việc giao nhận tiền và đất. Quá trình chuyển nhượng, sử dụng không phát sinh tranh chấp.

Thửa đất 980 có nguồn gốc được tách ra từ thửa 680 là tài sản riêng của bà T tặng cho con gái là bà Q. Sau khi được cấp giấy CNQSD đất, bà Q đã chuyển nhượng cho bà. Việc chuyển nhượng thửa đất 680 giữa bà và bà Q là hợp pháp. Ông M1 khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau ly hôn với bà T là thửa 680, có bao gồm thửa 980 của bà là không có căn cứ. Bà đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông M1.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu phản tố của ông M1, chia toàn bộ thửa đất 680 (khi chưa được tách thửa), bà yêu cầu Tòa án chia cho ông M1 giá trị thửa đất 980, không chia hiện vật để đảm bảo quyền lợi của bà. Bà là người mua ngay tình phải được pháp luật bảo vệ. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu chia hiện vật cho ông M1 $\frac{1}{2}$ diện tích thửa 680. Bà yêu cầu bà Q phải trả cho bà số tiền đã nhận chuyển nhượng là 1.250.000.000 đồng, 100.000.000 đồng tiền chuyển mục đích sử dụng thửa đất từ đất LUA sang đất ONT và tiền lãi trên số tiền 1.350.000.000 đồng, tính từ thời điểm nhận chuyển nhượng đến ngày Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 296/2023/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia tài sản sau khi ly hôn là thửa đất 273; tờ bản đồ số 5 (thuộc một phần thửa mới 507, tờ bản đồ số 7), tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An của bà Trần Thị T đối với ông Võ Văn M.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố chia tài sản sau khi ly hôn là thửa đất 680, bản đồ số 5, tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (theo giấy CNQSD đất số CD 782991 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho bà T ngày 28/3/2016) của ông Võ Văn M đối với bà Trần Thị T.

2. Chia đôi tài sản chung là thửa đất 273; tờ bản đồ số 5 (thuộc một phần thửa mới 507, tờ bản đồ số 7); diện tích 3.825,1m², tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An cho ông Võ Văn M và bà Trần Thị T như sau:

2.1. Bà Trần Thị T được chia diện tích đất 1.912,6m²; thuộc thửa đất 273; tờ bản đồ số 5 (thuộc một phần thửa mới 507, tờ bản đồ số 7), tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An; ký hiệu Khu A1 của Mảnh trích đo phân khu số 20 ngày 14/12/2023, đính kèm Mảnh trích đo địa chính số 505-2023 ngày 20/9/2023 của Công ty TNHH Đ đo vẽ được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ ký duyệt ngày 22/9/2023.

2.2. Ông Võ Văn M được chia diện tích đất 1.912,5m²; thuộc thửa đất 273; tờ bản đồ số 5 (thuộc một phần thửa mới 507, tờ bản đồ số 7), tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An; ký hiệu Khu A2 của Mảnh trích đo phân khu số 20 ngày 14/12/2023, đính

kèm Bản trích đo địa chính số 505-2023 ngày 20/9/2023 của Công ty TNHH Đ đo vẽ được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ ký duyệt ngày 22/9/2023.

2.3. Bà Trần Thị T, ông Võ Văn M được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia theo Bản trích đo phân khu số 20 ngày 14/12/2023, đính kèm Bản trích đo địa chính số 505-2023 ngày 20/9/2023 của Công ty TNHH Đ đo vẽ được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đ ký duyệt ngày 22/9/2023.

3. Chi phí tố tụng: Ông Võ Văn M có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Trần Thị T số tiền 23.750.000 đồng (hai mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

4. Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Văn M2 phải chịu số tiền 92.168.823 đồng. Khấu trừ 2.500.000 đồng tạm ứng án phí ông M2 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007861 ngày 03/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Ông Trần Văn M2 phải nộp tiếp số tiền 89.668.823 đồng.

Bà Trần Thị T phải chịu số tiền 92.168.823 đồng. Khấu trừ 5.000.000 đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009893 ngày 11/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bà Trần Thị T phải nộp tiếp số tiền 87.168.823 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, hướng dẫn thi hành án.

Ngày 29/12/2023, bị đơn ông Võ Văn M kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông M, ông Nguyễn Anh T1 trình bày tranh luận: Ông M thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm đối với việc chia tài sản chung đối với thửa đất số 273, tờ bản đồ số 5 (thuộc một phần thửa mới 507, tờ bản đồ số 7), diện tích 3.825,1m², đất tọa lạc tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An, tuy nhiên ông M yêu cầu được tiếp tục quản lý toàn bộ thửa 273 và hoàn lại bà T ½ giá trị thửa 273. Ông M yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung với bà Trần Thị T đối với thửa đất số 680, diện tích 680m² (diện tích được điều chỉnh sau khi đo đạc thực tế là 668m²), tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An và căn nhà có trên đất vì đây là tài sản chung của vợ chồng, ông đồng ý để bà T tiếp tục sử dụng, quản lý thửa đất số 680 cùng căn nhà nhưng phải hoàn trả lại ông ½ giá trị tài sản. Mặt khác, việc bà T trình bày cho rằng thửa đất số 680 được tặng cho 03 người con gồm Võ Minh P, Võ Minh H và Võ Thị Thúy Q nhưng cấp sơ thẩm không đưa ông P vào tham gia tố tụng là vi phạm thủ tục tố tụng. Ngoài ra, hiện tại một phần thửa 680 đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thu H1 nhưng cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ ý kiến của bà H1

như thế nào đối với yêu cầu phản tố của ông M là thiếu sót. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà T, ông Huỳnh Tuấn K trình bày tranh luận: Tòa án cấp sơ thẩm đã lấy lời khai bà H1 đối với yêu cầu phản tố của ông M nên người đại diện theo ủy quyền của ông M cho rằng cấp sơ thẩm chưa làm rõ ý kiến của bà H1 là không chính xác. Đối với yêu cầu chia tài sản là thửa đất số 680 thì bà T không đồng ý vì ông M đã tặng cho bà T thửa đất trên rồi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn M thực hiện đúng thời gian quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Ông Võ Văn M và bà Trần Thị T được Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa giải quyết cho ly hôn tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 329/2015/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2015. Khi ly hôn, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn đối với tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa 273, còn ông M có đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung đối với thửa 680 và căn nhà cấp 4 gắn liền với đất.

Quá trình giải quyết vụ án, các bên cũng thống nhất là tài sản chung của vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân bao gồm: Thửa đất 680, tờ bản đồ số 6, diện tích 680m² cùng 01 căn nhà cấp 4 trên đất và thửa đất 273, tờ bản đồ số 5, diện tích 3.825,1m², cùng tọa lạc tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Sau khi ly hôn, ông M lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất tại thửa đất 680 cho bà T, được Văn phòng C1 tỉnh Long An công chứng số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/3/2016. Bà T xác định việc ông M tặng cho bà phần đất tại thửa 680 nhằm mục đích là để cho lại các con, không phải là phân chia tài sản chung nên bà T yêu cầu ông M chia lại $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất tại thửa 273 do ông M đang đứng tên. Ông M cho rằng tài sản chung của vợ chồng đã được phân chia, ông đã lập hợp đồng tặng cho QSDĐ để chia lại thửa 680 cho bà T nên không đồng ý chia tài sản cho bà T đối với thửa 273.

Xét thấy, theo nội dung đơn phản tố và ý kiến trình bày của ông M tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện ông M có tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung đối với thửa đất 680 cùng 01 căn nhà cấp 4 trên đất, yêu cầu này của ông M đã được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý đơn phản tố ngày 03/02/2022. Tuy nhiên, trong phần nhận định, quyết định của bản án sơ thẩm thì Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết đối với phần tài sản là nhà có trên thửa 680 là bỏ sót yêu cầu phản tố của ông M.

Do đối với phần yêu cầu phản tố của ông M về phần tài sản trên thửa 680 chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết toàn diện, ông M vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm nên tại Tòa cấp

phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Võ Văn M. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Văn M được thực hiện đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin vắng tại phiên tòa hoặc đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn M:

Xét, thửa đất 273, tờ bản đồ số 5 (thuộc một phần thửa mới 507, tờ bản đồ số 7), diện tích 3.825,1m², tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của nguyên đơn và đại diện ủy quyền của bị đơn đều thống nhất xác định thửa đất số 273, tờ bản đồ số 5 (thuộc một phần thửa mới 507, tờ bản đồ số 7), diện tích 3.825,1m², tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An là tài sản chung giữa ông Võ Văn M với bà Trần Thị T. Do đó, việc tòa sơ thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà Trần Thị T đối với thửa đất số thửa đất 273, tờ bản đồ số 5 (thuộc một phần thửa mới 507, tờ bản đồ số 7), diện tích 3.825,1m², tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An là có căn cứ.

Xét thấy, ngày 03/02/2022, ông Võ Văn M có yêu cầu phản tố yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số 680, diện tích đo đạc thực tế là 667,4m², tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An cùng căn nhà gắn liền với thửa đất số 680 nêu trên. Tuy nhiên, bản án hôn nhân gia đình số 296/2023/HNGĐ-ST ngày 14/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An chỉ xem xét giải quyết đối với thửa đất số 680, diện tích đo đạc thực tế là 667,4m², tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An mà không xem xét giải quyết đối với căn nhà có trên thửa đất số 680 nêu trên là bỏ sót yêu cầu phản tố của ông M, vi phạm thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông M. Ngoài ra, xét thấy ông Võ Minh P là con ruột của ông Võ Văn M và bà Trần Thị T đang sinh sống trong căn nhà đang có tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung nêu trên với bà T nhưng cấp sơ thẩm không triệu tập ông P lấy lời khai và đưa ông P vào tham gia tố tụng là thiếu sót, vi phạm thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông P.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định của pháp luật. Quan điểm phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về tạm ứng án phí sơ thẩm, tạm ứng chi phí tố tụng sẽ được cấp sơ thẩm quyết định khi giải quyết lại vụ án.

[5] Về án phí phúc thẩm, bị đơn ông Võ Văn M không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông M.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Hủy Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 296/2023/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả ông Võ Văn M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0005804 ngày 29/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

3. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trọng Nhân